

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2019
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Thị Ngọc M**, sinh năm 1979 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: k p 5, thị trấn Th 3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Thị Ngọc M: Bà Vũ Thị L, là trợ giúp viên pháp lý Nhà nước.

* Bị đơn: Anh **Bùi Văn K**, sinh năm 1979 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 10 B, xã Th H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2018 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị **Thị Ngọc M** trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh **Bùi Văn K** chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết

hôn tại UBND xã Th H ngày 31/12/2008. Chị và anh K sống chung nhà mẹ ruột của anh K. Trong quá trình chung sống, anh K chung sống với người phụ nữ khác và đã rời khỏi địa phương từ tháng 02/2018, anh K cũng thường về thăm cha mẹ ruột anh K. Chị và anh K ly thân nhau từ tháng 02/2018 đến nay.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung tên Bùi Thị Anh Th, sinh ngày 19/11/2009; Bùi Thị Ánh T, sinh ngày 27/11/2016, hiện nay chị M đang nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản: Không tranh chấp.

Về nợ: Không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay chị yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh K.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản: Không tranh chấp.

Về nợ: Không có, không yêu cầu.

** Bị đơn anh Bùi Văn K vắng mặt không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị Thị Ngọc M và bị đơn anh Bùi Văn K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước, bà Vũ Thị L trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2, 3 Điều 81 luật hôn nhân gia đình giải quyết cho chị M được ly hôn với anh K, được quyền nuôi dưỡng hai con chung Bùi Thị Anh Th, Bùi Thị Ánh T.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh K. Cho chị M được ly hôn với anh K, giao hai con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này chị M có yêu cầu thì khởi kiện thành vụ kiện khác; về tài sản không tranh chấp nên không xem xét; về nợ không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Bùi Văn K, nhưng anh K vắng mặt, sau đó Tòa án nhận được đơn xin vắng mặt trong các phiên họp hòa giải, xét xử của anh Bùi Văn K ghi ngày 02/5/2019; ngày 20/5/2019 nguyên đơn chị Thị Ngọc M nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị, nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định cử trợ giúp viên Vũ Thị L thay thế trợ giúp viên Trần Tuấn A bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Thị Ngọc M. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Thị Ngọc M và bị đơn anh Bùi Văn Kiên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Ngọc M và anh Bùi Trung K chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2008 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của chị Thị Ngọc M xin được ly hôn với anh Bùi Văn K. Thấy rằng, giữa chị M và anh K đã bất đồng với nhau về sinh hoạt vợ chồng trong một thời gian dài dẫn đến ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Anh K đã nhận hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về việc chị M xin ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung nhưng anh K không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị M. Qua đó cho thấy, anh K bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, điều này cũng chứng tỏ anh K đương nhiên chấp nhận, anh K không mong muốn được hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị M và anh K có tiếp tục chung sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, trợ giúp viên và yêu cầu xin ly hôn của chị M, cho chị M được ly hôn với anh Kiên.

[3] Về quan hệ con chung: Chị M xác định, chị và anh K có hai người con chung tên Bùi Thị Anh Th, sinh ngày 19/11/2009; Bùi Thị Ánh T, sinh ngày 27/11/2016, hiện nay chị M đang nuôi dưỡng hai con chung. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Xét thấy yêu cầu của chị M là phù hợp với văn bản trình bày ý kiến nguyện vọng của cháu Bùi Thị Anh Th ghi ngày 13/8/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2019 nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Bùi Thị Anh Th, sinh ngày 19/11/2009; Bùi Thị Ánh T, sinh ngày 27/11/2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, anh K cũng không có ý kiến về nội dung này. Xét thấy chị M không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trong quá trình nuôi con chung, chị M xét thấy cần thiết yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung thì chị M có quyền khởi kiện yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con thành vụ kiện khác.

[5] Về tài sản: Chị M xác định là không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị M xác định, chị và anh K không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 ; Điều 235 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Thị Ngọc M đối với anh Bùi Văn K. Cho chị Thị Ngọc M được ly hôn với anh Bùi Văn K.

- *Về quan hệ con chung:* Chị Thị Ngọc M được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Bùi Thị Anh Th, sinh ngày 19/11/2009; Bùi Thị Ánh T, sinh ngày 27/11/2016.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Bùi Văn K không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Chị Thị Ngọc M xác định là không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị M xác định, chị và anh K không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp, theo biên lai thu số 0006146 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị M đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Thị Ngọc M, bị đơn anh Bùi Văn K. Báo cho chị M và anh K biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới